TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ỨNG HÒA** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/KDTM - ST
Ngày: 26-8-2024
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Đặng Viết Côi

+ Ông Nguyễn Hạ Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2024/TLST-KDTM ngày 21 tháng 5 năm 2024 về "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST- KDTM ngày 15 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST- KDTM ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V**

Địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Tuấn A (Giấy uỷ quyền số 58/2023/UQN-CTQT ngày 12/7/2023)

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Ma Quang M và Nguyễn Triệu T (Giấy uỷ quyền số 04/2024/UQ-VPB ngày 02/01/2024)

+ Bị đơn: Công ty TNHH T3

Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện Ứ, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu T1 – Giám đốc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các buổi làm việc tại Tòa cũng như tại phiên toà nguyên đơn trình bày: Công ty TNHH T3 (Công ty T3) có ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP V (V1) Hợp đồng cho vay số 031221-7540463-01-SME ngày 06/12/2021 để vay vốn với số tiền: 1.173.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay: vay mua 01 xe ô tô tải HOWO (CNHTC) 8X4 ZZ3317N3267E1 theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số hợp đồng 0037/2011004/CƯƠNGNB/HDKT-101 ký ngày 04/10/2021; lãi suất: 9,6%/năm áp dụng cố định trong 12 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần; biên độ (+4%); ngoài ra Hợp đồng còn quy định thời gian thanh toán, lãi suất quá hạn, …Sau đó, V1 đã giải ngân cho Công ty T3 số tiền 1.173.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ Lần 01 số: 031221-7540463-01-SME ngày 06/12/2021.

Để bảo đảm khoản vay, Công ty T3 đã thế chấp 01 xe ô tô HOWO, nhãn hiệu CNHTC, số loại ZZ3317N3267E1, BKS: 29H-774.13 cho V1 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 031221-7540463-01-SME/TC ngày 06/12/2021. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ… được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp. Đã được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Đà Nẵng ngày 06/12/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng nêu trên, công ty T3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận trong các Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 26/8/2024 là: Nợ gốc: 821.097.995 đồng, N lãi trong hạn: 3.112.966 đồng, nợ lãi quá hạn: 177.455.599 đồng, nợ lãi chậm trả: 12.520.484 đồng; tổng: 1.014.187.044 đồng.

Vì vậy, V1 đề nghị Toà án giải quyết:

+ Buộc Công ty T3 phải thanh toán cho V1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan đến Hợp đồng tín dung tính đến ngày 26/8/2024 là: 1.014.187.044 đồng. Buộc Công ty T3 tiếp tục chịu lãi theo thoả thuận đã ký kết trong Hợp đồng

+ Đề nghị Toà tuyên, trường hợp Công ty T3 không thanh toán trả V1 số tiền gốc, lãi thì V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô HOWO, nhãn hiệu CNHTC, số loại: ZZ3317N3267E1, số khung: LZZ1EXSB3MN891598, số máy: D103850210507064367, BKS: 29H-774.13; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng C Công an thành phố H cấp ngày 07/11/2021 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty TNHH T3. Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 031221-7540463-01-SME/TC ngày 06/12/2021 giữa V1 với Công ty T3.

2. Bị đơn, ông Nguyễn Anh T2 – phó giám đốc Công ty T3 trình bày: Ông là Phó giám đốc Công ty, Giám đốc là ông Nguyễn Hữu T1 hiện đang đi công tác trong N1. Ông thừa nhận Công ty T3 có ký kết Hợp đồng tín dụng với

V1 để vay tiền thanh toán trả mua chiếc xe ô tô. Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng V1 đã cho công ty V2 số tiền 1.173.000.000 đồng. Để bảo đảm khoản vay, công ty đã thế chấp chiếc xe oto BKS: 29H-774.13. Sau khi vay tiền V1, do dịch covid ảnh hưởng đến kinh tế dẫn đến công ty không thanh toán gốc lãi cho V1 đúng như thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng. Hiện công ty đang gặp nhiều khó khăn về tài chính nên đề nghị V1 miễn toàn bộ tiền lãi và cho cho công ty X trả tiền gốc dần.

Ngày 11/7/2024, Toà án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, đại diện Công ty T3 cho biết chiếc xe ô tô BKS: 29H-774.13 đang đi làm nên không có nhà; do đó, không thể tiến hành xem xét thẩm định được.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt; nguyên đơn có thay đổi về số tiền lãi so với đơn khởi kiện, ngoài ra vẫn giữ nguyên các nội dung khởi kiện khác và không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và hướng xử lý tài sản như nguyên đơn trình bày. Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ□ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ□ơng sự, H đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thực hiện tố tụng của Tòa án:

Về phạm vi khởi kiện, quan hệ pháp luật: Ngân hàng TMCP V có đơn đề nghị Tòa giải quyết buộc Công ty T3 phải thanh toán tiền gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết; đồng thời trường hợp Công ty T3 không thanh toán tiền cho V1 thì V1 có quyền có đơn đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Do vậy, đây là tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo khoản 1 Điều 30 BLTTDS.

Về thẩm quyền: Quan hệ pháp luật là tranh chấp Hợp đồng tín dụng, bị đơn Công ty T3 có địa chỉ là: Thôn N, xã V, huyện Ứ, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội theo điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về chứng cứ: Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp chứng cứ ngày 12/7/2024 đương sự xác nhận các tài liệu giao nộp đầy đủ trong hồ sơ vụ án,

không còn tài liệu chứng cứ nào khác cần bổ sung. Các đương sự đã được tiếp cận toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập; không có ý kiến nào phản đối về chứng cứ. Do vậy, những tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà Tòa án sử dụng làm căn cứ giải quyết, đủ điều kiện là chứng cứ theo Điều 92, Điều 93 của BLTTDS.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa sơ thẩm: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa ngày 09/8/2024, đến phiên tòa hôm nay vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[1.4] Về việc thay đổi số tiền đề nghị: Nguyên đơn thay đổi số tiền so với đơn khởi kiện và buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị giải quyết tính đến xét xử sơ thẩm là: 1.001.666.560 đồng; số tiền tăng thêm là do tiền lãi tính đuổi ngày đến ngày xét xử. Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi số tiền vì không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện là phù hợp với Điều 244 BLTTDS.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán tiền gốc, lãi cho nguyên đơn theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ.

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn trình bày bị đơn ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP V cụ thể là: Hợp đồng cho vay số 031221-7540463-01-SME ngày 06/12/2021. Sau khi ký kết Hợp đồng, V1 đã thực hiện giải ngân cho Công ty T3 1.173.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng giữa V1 và Công ty T3 trên cơ sở tự nguyện, bảo đảm các quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng Công ty T3 chưa thanh toán đầy đủ tiền gốc, tiền lãi cho V1; đồng thời Công ty T3 vi phạm thời hạn thanh toán nên V1 nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng Công ty T3 vẫn không trả toàn bộ gốc và lãi. Do vi phạm Hợp đồng V1 yêu cầu Công ty T3 phải trả số tiền gốc là có căn cứ.

Tại Hợp đồng tín dụng thể hiện vay có lãi suất, vay có thời hạn; đồng thời có quy định về lãi quá hạn, lãi chậm trả. Việc thỏa thuận về lãi suất là tự nguyện của các đương sự, không trái đạo đức, không vi phạm pháp luật. Do đó, V1 yêu cầu Công ty T3 phải thanh toán tiền nợ lãi, lãi quá hạn, lãi chậm trả là phù hợp với quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V1, cụ thể buộc Công ty T3 phải thanh toán trả V1 số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/8/2024 tổng số là: 1.014.187.044 đồng; trong đó tiền gốc: 821.097.995 đồng, tiền lãi trong hạn: 3.112.966 đồng, tiền lãi quá hạn: 177.455.599 đồng, tiền lãi chậm trả: 12.520.484 đồng. Buộc Công ty T3 phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết kể từ

ngày 27/8/2024 (Có sự điều chỉnh tăng, giảm theo từng thời kỳ của V1) cho đến khi thanh toán hết dư nợ gốc.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm thì thấy:

Khi ký kết Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận biện pháp bảo đảm cụ thể là: 01 xe ô tô HOWO, nhãn hiệu CNHTC, số loại: ZZ3317N3267E1, số khung: LZZ1EXSB3MN891598, số máy: D103850210507064367, BKS: 29H-774.13; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng C Công an thành phố H cấp ngày 07/11/2021 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty TNHH T3. Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 031221-7540463-01-SME/TC ngày 06/12/2021 giữa V1 với Công ty T3. Tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ: Chiếc xe không có ở nhà nên Tòa đã không thể tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ được.

Xét thấy Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, tài sản thế chấp đã được đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 06/12/2021. Vì vậy, Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của V1, V1 được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp nêu trên khi Công ty T3 thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên phù hợp với các Điều 317, 318, 319, 320, 322, 323, 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả hết các khoản nợ cho V1 thì Công ty T3 có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số nợ cho V1. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

[5]Về án phí: Căn cứ Điều 146; Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Công ty T3 phải chịu toàn bộ án phí dân sự 42.425.611 đồng (Bốn mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn, sáu trăm mười một đồng); V1 không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.688.000 đồng (Mười chín triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng).

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 của BLTTDS năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 74, Điều 146, Điều 147; Điều 244; Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 317, 320, 321, 322, 323, 463 và 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với Công ty TNHH T3.

2. Buộc Công ty T3 có nghĩa vụ trả cho V1 số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm - ngày 26/8/2024 là: 1.014.187.044đ (*Một tỷ, không trăm mười bốn triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn, không trăm bốn mươi bốn đồng*); trong đó tiền gốc: 821.097.995 đồng, tiền lãi trong hạn: 3.112.966 đồng, tiền lãi quá hạn: 177.455.599 đồng, tiền lãi chậm trả: 12.520.484 đồng.

Kể từ ngày 27/8/2024, Công ty T3 phải chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ theo 02 Hợp đồng tín dụng: Hợp đồng cho vay số: 031221-7540463-01-SME ngày 06/12/2021 và Khế ước nhận nợ Lần 01/số: 031221-7540463-01-SME ngày 06/12/2021 được điều chỉnh phù hợp với lãi suất cho vay của V1 theo từng thời kỳ nhưng không được trái quy định pháp luật.

3. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực Công ty T3 không trả được số tiền nợ trên và lãi phát sinh cho V1 thì V1 có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp cụ thể: 01 xe ô tô HOWO, nhãn hiệu CNHTC, số loại: ZZ3317N3267E1, số khung: LZZ1EXSB3MN891598, số máy: D103850210507064367, BKS: 29H-774.13; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng C Công an thành phố H cấp ngày 07/11/2021 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty TNHH T3. Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 031221-7540463-01-SME/TC ngày 06/12/2021 giữa V1 với Công ty T3.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả hết các khoản nợ cho V1 thì Công ty T3 có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số nợ cho V1. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

Buộc Công ty TNHH T3 phải nộp: 42.425.611 đồng *(Bốn mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn, sáu trăm mười một đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V 19.688.000 đồng (*Mười chín triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lại số 0011736 ngày 20/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa, TP ..

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Bích Hằng